

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LỘC VIỆT

Báo cáo tài chính của Công ty đã soát xét cho kỳ tài chính
từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 – 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 – 30



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LỘC VIỆT

Địa chỉ: Số 1 phố Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý quỹ Lộc Việt (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần quản lý quỹ Lộc Việt là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/UBCK – GP do Ủy ban chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/11/2007. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về địa chỉ của trụ sở chính; thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước Việt Nam chuẩn y tại Giấy phép điều chỉnh số 101/UBCK – GP ngày 13/12/2018.

Hoạt động chính trong kỳ tài chính của Công ty là: *Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.*

Công ty có trụ sở chính tại tầng 2, số 1 phố Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|-------------------------|----------------------------|
| - Ông Nguyễn Hữu Chương | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| - Ông Phan Minh Hoàn | Ủy viên Hội đồng quản trị |
| - Ông Phan Vũ Tuấn | Ủy viên Hội đồng quản trị |

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|-------------------------|---------------|
| - Ông Nguyễn Quang Vinh | Tổng Giám đốc |
|-------------------------|---------------|

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Lộc Việt.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và đảm bảo báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30/06/2020 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình biến động của vốn chủ sở hữu và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của đơn vị. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LỘC VIỆT

Địa chỉ: Số 1 phố Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2020, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động của vốn chủ sở hữu và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Đại diện cho HĐQT và Ban Giám đốc



NGUYỄN QUANG VINH

Tổng Giám đốc



Số: 49/2020/BCSX – CPAMB1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ***Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Lộc Việt
cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.***Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LỘC VIỆT**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Lộc Việt, được lập ngày 14/8/2020 từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tình hình biến động của vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả của soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Lộc Việt đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2020 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vấn đề nhấn mạnh

Không nhằm mục đích phủ nhận kết luận của kiểm toán viên nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý rằng: Theo quyết định số 676/QĐ – UBCK của Ủy ban chứng khoán Nhà nước ngày 04/9/2019, Công ty cổ phần Quản lý quỹ Lộc Việt bị đình chỉ hoạt động do Công ty không đáp ứng điều kiện quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 70 Luật chứng khoán ngày 29/6/2006; khoản 5 Điều 16 Thông tư số 87/2017/TT – BTC ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và điểm b khoản 8, khoản 9 Điều 15 Thông tư số 212/2012/TT – BTC ngày 05/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ. Thời hạn đình chỉ hoạt động của Công ty từ ngày 04/9/2019 đến ngày 03/03/2020. Công ty đã có công văn số 03/CV – LC ngày 03/03/2020 gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc phê duyệt kế hoạch tăng vốn từ 25 tỷ lên thành ít nhất 50 tỷ vào đầu năm 2021 nhưng chưa được Ủy ban chứng khoán Nhà nước phê duyệt. Do đó, báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 của Công ty đang được lập trên cơ sở giả định hoạt động không liên tục.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPAVIETNAM
CHI NHANH MIỀN BẮC

NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0445-2018-137-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN	100		15.452.990.202	15.536.636.678
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.777.839.052	2.793.051.350
1. Tiền	111		47.839.052	893.051.350
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.730.000.000	1.900.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính	120	V.2	6.020.275.001	6.086.275.001
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2.220.275.001	2.086.275.001
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122		3.800.000.000	4.000.000.000
3. Đầu tư vào công ty con	123		-	-
4. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	124		-	-
5. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	125		-	-
III. Các khoản phải thu	130		6.561.921.784	6.564.355.962
1. Phải thu khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	133		-	-
4. Phải thu nội bộ	134		-	-
5. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	135	V.3	6.518.710.757	6.518.710.757
6. Các khoản phải thu khác	137	V.4	43.211.027	45.645.205
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	138		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản cố định	150		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	151	V.6	-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	152		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	153	V.7	-	-
VI. Bất động sản đầu tư	160		-	-
VII. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	170		-	-
VIII. Tài sản khác	180		92.954.365	92.954.365
1. Chi phí trả trước	181	V.8.1	12.500.000	12.500.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	182		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	183	V.5	80.454.365	80.454.365
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	184		-	-
5. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	185		-	-
6. Tài sản khác	186		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		15.452.990.202	15.536.636.678

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2020	01/01/2020
B. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.477.784.183	4.865.551.341
1. Phải trả người bán	311		-	-
2. Người mua trả tiền trước	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	23.406.600	23.146.600
4. Phải trả người lao động	314		989.148.951	924.446.451
5. Chi phí phải trả	315	V.10	1.066.924.609	2.526.544.267
6. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			-	-
7. Phải trả nội bộ khác	316		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	318		-	-
9. Phải trả khác	319	V.11	1.398.304.023	1.391.414.023
10. Vay và nợ thuê tài chính	320		-	-
11. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
12. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
13. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
14. Dự phòng phải trả	321		-	-
15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
16. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
17. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
18. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
C. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.975.206.019	10.671.085.337
I. Vốn chủ sở hữu	410		11.975.206.019	10.671.085.337
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
7. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(13.024.793.981)	(14.328.914.663)
10. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		15.452.990.202	15.536.636.678

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LỘC VIỆT

Địa chỉ: Số 1 phố Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính

từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2020	01/01/2020
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng chỉ lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		2.220.275.001	6.086.275.001
Trong đó:				
6.1 Chứng khoán giao dịch	007		2.220.275.001	6.086.275.001
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008		-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	009		-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	010		-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	011		-	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	012		-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	013		-	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	014		-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	020		-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	V.12	22.880.588.065	22.849.310.726
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		22.880.588.065	22.849.310.726
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	V.13	209.064.334.201	1.261.712.924.843
9.1 Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041	V.13.1	209.064.334.201	1.261.712.924.843
9.2 Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	V.14	11.087.303.086	10.704.616.389
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	V.15	12.663.583.115	12.663.583.115



NGUYỄN KIM CẨM VÂN

Người lập



NGUYỄN KIM CẨM VÂN

Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020



NGUYỄN QUANG VINH

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LỘC VIỆT

Địa chỉ: Số 1 phố Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính

từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
1. Doanh thu	01		-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		-
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	VI.16	261.593.314
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		(261.593.314)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.17	191.712.835
7. Chi phí tài chính	22	VI.18	(134.000.000)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		360.709.619
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(296.590.098)
10. Thu nhập khác	31		1.600.710.868
11. Chi phí khác	32		88
12. Lợi nhuận khác	40		1.600.710.780
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.304.120.682
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.19	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.304.120.682
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.20	521,65

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020



NGUYỄN KIM CẨM VÂN
Người lập



NGUYỄN KIM CẨM VÂN
Kế toán trưởng




NGUYỄN QUANG VINH
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LỘC VIỆT

Địa chỉ: Số 1 phố Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính

từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.304.120.682
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao tài sản cố định	02	-
- Các khoản dự phòng	03	134.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(191.634.473)
- Chi phí lãi vay	06	-
- Các điều chỉnh khác	07	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	1.246.486.209
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	7.145.205
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(1.387.767.158)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(134.135.744)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(68.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	186.923.446
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	118.923.446
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(15.212.298)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.793.051.350
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.777.839.052

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020



NGUYỄN KIM CẨM VÂN

Người lập



NGUYỄN KIM CẨM VÂN

Kế toán trưởng



NGUYỄN QUANG VINH

Tổng Giám đốc

ÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ	
		Năm trước	Kỳ này	Năm trước		Kỳ này		Năm trước	Kỳ này
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	-	-	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối		(13.076.176.750)	(14.328.914.663)	(1.252.737.913)	-	1.304.120.682	-	(14.328.914.663)	(13.024.793.981)
Tổng cộng		11.923.823.250	10.671.085.337	(1.252.737.913)	-	1.304.120.682	-	10.671.085.337	11.975.206.019

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Mum

NGUYỄN KIM CẨM VÂN
Người lập

Mum

NGUYỄN KIM CẨM VÂN
Kế toán trưởng



NGUYỄN QUANG VINH
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**I. THÔNG TIN CHUNG**

Công ty cổ phần quản lý quỹ Lộc Việt là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/UBCK – GP do Ủy ban chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/11/2007. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về địa chỉ của trụ sở chính; thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước Việt Nam chuẩn y tại Giấy phép điều chỉnh số 101/UBCK – GP ngày 13/12/2018.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- *Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;*
- *Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.*

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Do năm trước Công ty trình bày báo cáo tài chính theo nguyên tắc của doanh nghiệp hoạt động liên tục. Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 vì Công ty đang bị đình chỉ hoạt động từ ngày 04/9/2019 đến ngày 03/03/2020 theo quyết định số 676/QĐ – UBCK của Ủy ban chứng khoán Nhà nước ngày 04/9/2019 nên trình bày báo cáo tài chính theo nguyên tắc khác.

Công ty có trụ sở tại tầng 2, số 1 phố Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Đến ngày 30/06/2020, tổng số cán bộ nhân viên hiện đang làm việc tại Công ty là 07 người. Trong đó số nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ là 07 người, bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Số chứng chỉ</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Vị trí công tác</i>
Ông Nguyễn Quang Vinh	00181	01/04/2009	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Kim Cẩm Vân	00067	27/02/2009	Kế toán trưởng
Bà Lê Vũ Hà	00766	10/10/2012	Giám đốc văn phòng
Bà Trần Thị Thu Hương	00033	04/02/2009	Bộ phận đầu tư
Ông Nguyễn Ngọc Long	00059	27/02/2009	Bộ phận đầu tư cổ phiếu
Bà Ngô Thị Vân	00346	17/06/2009	Kiểm soát nội bộ
Ông Vũ Duy Đông	001065	14/01/2014	Bộ phận Phân tích

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT – BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 125/2011/TT – BTC ngày 05/09/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành về việc hướng dẫn kế toán đối với công ty quản lý quỹ và các văn bản sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán có liên quan.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

Niên độ kế toán của Công ty: Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đồng tiền hạch toán: Công ty sử dụng đồng Việt Nam (VND) để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Thông tư 210/2009/TT – BTC ngày 06/11/2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính là các khoản phải thu ngắn hạn. Các khoản phải thu được đánh giá lại trên báo cáo tài chính theo giá trị thực tế có thể thu hồi.

191791
CÔNG TY
TH
TOÁN
TAM
IÁNH
BẮC
NỘI-VIỆ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng hoạt động. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau khi TSCĐ đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Tài sản</i>	<i>Khung khấu hao</i>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm
Phương tiện vận tải	06 năm

Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định*Phần mềm vi tính*

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị phần mềm kế toán và phần mềm đầu tư chứng khoán mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 - 05 năm.

Các khoản đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn của Công ty bao gồm đầu tư chứng khoán kinh doanh.

Đầu tư chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được xác định giá trị ban đầu theo giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua (giá gốc) trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được nắm giữ với mục đích kinh doanh mua bán trong ngắn hạn.

Dự phòng được lập khi giá trị của các khoản đầu tư đang ghi nhận trên sổ kế toán cao hơn giá chứng khoán thực tế trên thị trường hoặc phát sinh sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên do Công ty đang bị đình chỉ hoạt động nên khoản dự phòng giảm giá đầu tư được giảm trừ trực tiếp vào giá trị của khoản đầu tư.

Giá chứng khoán thực tế trên thị trường được sử dụng để trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư chứng khoán được xác định như sau:

- Đối với các chứng khoán đã niêm yết (bao gồm cả cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh, chứng quyền có đảm bảo đã niêm yết), là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm. Trường hợp chứng khoán đã niêm yết trên thị trường không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng hoặc chứng khoán bị hủy niêm yết tại ngày trích lập dự phòng thì Công ty xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán theo công thức như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư ngắn hạn (Tiếp theo)**

Mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư	=	Tỷ lệ sở hữu vốn dự phòng điều lệ thực góp (%) của doanh khoản đầu nghiep tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng	x	Vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng	-	Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng
--	---	--	---	--	---	---

- Đối với các chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), là giá tham chiếu bình quân trong vòng 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp cổ phiếu không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính thì Công ty xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán theo công thức nêu trên.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, thì Công ty xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán theo công thức nêu trên.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước trên bảng cân đối kế toán bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước dài hạn được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Do trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 và kỳ tài chính này, Công ty đang bị đình chỉ hoạt động từ 04/09/2019 đến 03/03/2020 nên các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí thuê hội viên sân golf, chi phí thuê đặt máy chủ và gia hạn tên miền, cước kê khai các thông tin bảo hiểm và kê khai điện tử được phân bổ hết vào chi phí trong kỳ. Chi phí trả trước còn lại trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2020 là chi phí thuê văn phòng tháng 07/2020.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc năm tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch với số đã trích (nếu có). Chi phí phải trả tại ngày kết thúc năm tài chính là khoản chi phí lưu ký phải trả.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2020 là số lãi phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong năm và số lỗ lũy kế từ các năm trước.

Doanh thuDoanh thu hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động kinh doanh bao gồm doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng ký kết và giá trị giao dịch thực tế đã thực hiện.

Trong kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, Công ty không ghi nhận doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư do bị đình chỉ hoạt động.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VI. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Doanh thu (Tiếp theo)**Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi và khoản hoàn nhập chi phí lưu ký từ các năm trước không phải thanh toán. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

ThuếThuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Các công cụ tài chínhGhi nhận ban đầu và trình bàyTài sản tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành hoặc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu từ hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác, các tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khác và chi phí phải trả.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại, Thông tư 210 chưa có quy định về đánh giá lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu và chỉ nếu đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

I. Tiền và các khoản tương đương tiền

		30/06/2020	01/01/2020
Tiền mặt tại quỹ	(i)	41.015	151.358
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	47.798.037	892.899.992
Tiền đang chuyển		-	-
Các khoản tương đương tiền	(iii)	2.730.000.000	1.900.000.000
Cộng		2.777.839.052	2.793.051.350

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 30/06/2020 bao gồm:

	VND
Đồng Việt Nam (VND)	41.015
Cộng	41.015

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2020 bao gồm:

	VND
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hàng Trống	2.430.711
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - PGD Phạm Hùng	2.834.346
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Trảng An	42.181.416
+ Công ty CP Chứng khoán dầu khí	351.564
Cộng	47.798.037

(iii) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 30/06/2020 bao gồm:

	Lãi suất (năm)	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hàng Trống		2.400.000.000
+ HĐTG số 77/240620/HĐTG/SHB.111800 ngày 24/6/2020 kỳ hạn 99 ngày	4,05%	2.400.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Trảng An		330.000.000
+ HĐTG số 2023456/260620-02 ngày 26/6/2020 kỳ hạn 01 tháng	4,25%	330.000.000
Cộng		2.730.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LỘC VIỆT

Địa chỉ: Số 1 phố Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

B 09 - CTQ - DNKLT

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính
từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	2.220.275.001	3.223.354.860	3.223.354.860	2.086.275.001
+ Đầu tư vào cổ phiếu niêm yết	2.220.275.001	3.223.354.860	3.223.354.860	2.086.275.001
SHB; Cổ phiếu của NH Sài Gòn - Hà Nội	-	-	-	-
VC2; Cổ phiếu của Cty CP xây dựng số 2	-	-	-	-
CTG; Cổ phiếu của NH TMCP Công thương VN	872.775.000	1.439.991.000	1.439.991.000	846.450.000
TCM; Cổ phiếu của Cty dệt may đầu tư thương mại Thành Công	-	-	-	-
HAG; Cổ phiếu của Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	1.040.000.000	1.205.706.748	1.205.706.748	796.000.000
LDG; Cổ phiếu của Công ty cổ phần đầu tư LDG	307.500.001	577.657.112	577.657.112	443.825.001
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.800.000.000	3.800.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng DT& PTVN - CN Trảng An (kỳ hạn 6 tháng)	3.800.000.000	3.800.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Giá trị thuần của đầu tư tài chính	6.020.275.001	7.023.354.860	3.223.354.860	6.086.275.001
				(1.137.079.859)

Giá trị đánh giá lại của các cổ phiếu niêm yết là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

3. Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	6.518.710.757	6.518.710.757	6.518.710.757	6.518.710.757
+ Phải thu Cty CP DT& TM Thạch Hà	1.057.291.673	1.057.291.673	1.057.291.673	1.057.291.673
+ Phải thu ngân hàng DB sông Cửu Long	5.398.791.889	5.398.791.889	5.398.791.889	5.398.791.889
+ Phải thu Vũ Quang Minh	62.627.195	62.627.195	62.627.195	62.627.195
Cộng	6.518.710.757	6.518.710.757	6.518.710.757	6.518.710.757

Giá trị đánh giá lại các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ là giá trị có thể thu hồi do Công ty còn đang nắm giữ vốn đầu tư ủy thác của nhà đầu tư nên các khoản phải thu sẽ thu hồi tất toán các khoản vốn ủy thác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2020	01/01/2020
Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá trị
43.211.027	45.645.205	45.645.205
4.711.027	7.145.205	7.145.205
37.500.000	37.500.000	37.500.000
1.000.000	1.000.000	1.000.000
43.211.027	45.645.205	45.645.205

Phải thu khác

+ Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn

+ Kỳ quỹ thuế vãn phòng

+ Phải thu khác

Cộng

Giá trị đánh giá lại các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ là giá trị có thể thu hồi.

5. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	30/06/2020	01/01/2020
Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá trị
80.454.365	80.454.365	80.454.365
80.454.365	80.454.365	80.454.365

Thuế TNDN nộp thừa

Cộng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	<i>Máy móc, trang thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2020	-	2.529.285.000	865.871.629	3.395.156.629
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2020	-	2.529.285.000	865.871.629	3.395.156.629
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2020	-	2.529.285.000	865.871.629	3.395.156.629
Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2020	-	2.529.285.000	865.871.629	3.395.156.629
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2020	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2020	-	-	-	-

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 3.395.156.629 đồng

7. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Dây chuyền công nghệ</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2020	-	-	2.345.000.000	2.345.000.000
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2020	-	-	2.345.000.000	2.345.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2020	-	-	2.345.000.000	2.345.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2020	-	-	2.345.000.000	2.345.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2020	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2020	-	-	-	-

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 2.345.000.000 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****8. Chi phí trả trước****8.1 Chi phí trả trước**

	30/06/2020	01/01/2020
+ Phí gia hạn tên miền	-	-
+ Chi phí chữ ký số bảo hiểm	-	-
+ Chi phí thuê văn phòng tháng 01/2020 và tháng 07/2020	12.500.000	12.500.000
+ Thẻ hội viên sân golf	-	-
+ Cước kê khai thông tin BHXH và thuế điện tử	-	-
+ Chi phí đặt máy chủ	-	-
+ Phí bảo hiểm xe ô tô & phí internet trả trước	-	-
Cộng	12.500.000	12.500.000

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp	Số đã nộp	30/06/2020
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	23.146.600	8.200.000	(5.760.000)	23.406.600
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	23.146.600	8.200.000	(5.760.000)	23.406.600

10. Chi phí phải trả

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Chi phí phải trả khác	1.066.924.609	1.066.924.609	2.526.544.267	2.526.544.267
+ Phí lưu ký chứng khoán	1.066.924.609	1.066.924.609	2.526.544.267	2.526.544.267
Cộng	1.066.924.609	1.066.924.609	2.526.544.267	2.526.544.267

11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Kinh phí công đoàn	216.228.750	216.228.750	208.524.750	208.524.750
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.182.075.273	1.182.075.273	1.182.889.273	1.182.889.273
+ Ông Phan Minh Hoàn (*)	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Khoản tiền phạt phải trả	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000
+ Khoản phải trả khác	112.075.273	112.075.273	112.889.273	112.889.273
Cộng	1.398.304.023	1.398.304.023	1.391.414.023	1.391.414.023

(*): Ông Phan Minh Hoàn góp thêm vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2017/DHCD - NQ về việc tăng vốn điều lệ từ 25 tỷ lên thành 35 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(Tiếp theo)****12. Tiền gửi của nhà ủy thác đầu tư**

	30/06/2020	01/01/2020
Ngân hàng TMCP Tiên Phong		
+ Số dư đầu kỳ	5.584.308	6.226.483
+ Số tăng trong kỳ	7.611	17.825
+ Số giảm trong kỳ	165.000	660.000
+ Số dư cuối kỳ	5.426.919	5.584.308
Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long lưu ký tại Ngân hàng Tiên Phong		
+ Số dư đầu kỳ	22.618.024.696	22.550.939.663
+ Số tăng trong kỳ	31.373.315	67.745.033
+ Số giảm trong kỳ	165.000	660.000
+ Số dư cuối kỳ	22.649.233.011	22.618.024.696
Ngân hàng TMCP Xây dựng Việt Nam		
+ Số dư đầu kỳ	-	11.189
+ Số tăng trong kỳ	-	3
+ Số giảm trong kỳ	-	11.192
+ Số dư cuối kỳ	-	-
Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Thạch Hà		
+ Số dư đầu kỳ	225.701.722	356.728.509
+ Số tăng trong kỳ	226.413	35.482.947.464
+ Số giảm trong kỳ	-	35.613.974.251
+ Số dư cuối kỳ	225.928.135	225.701.722
Các nhà đầu tư khác		
+ Số dư đầu kỳ	-	630.819
+ Số dư cuối kỳ	-	-
Cộng	22.880.588.065	22.849.310.726

91791
 TY
 H
 TOÁN
 NAM
 HÀNH
 BẮC
 NỘI-VIỆT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****13. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác****13.1 Nhà đầu tư ủy thác trong nước**

	30/06/2020	01/01/2020
Cổ phiếu niêm yết	509.590.000	509.590.000
+ STB: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	-	-
+ PVX: Tổng công ty xây lắp dầu khí Việt Nam	509.590.000	509.590.000
Cổ phiếu không niêm yết	32.684.978.833	32.684.978.833
+ Công ty CP Đầu tư thương mại Đất May Mắn	18.785.945.500	18.785.945.500
+ Công ty chứng khoán ngân hàng DBS Cửu Long	4.600.000.000	4.600.000.000
+ Công ty CP bảo hiểm AAA	299.033.333	299.033.333
+ Công ty cổ phần Intellplus Việt Nam	9.000.000.000	9.000.000.000
+ Công ty CP bất động sản Liên Á	-	-
Trái phiếu	170.000.000.000	1.223.000.000.000
+ Công ty CP đầu tư An Lộc	170.000.000.000	470.000.000.000
+ Công ty CP Đầu tư và thương mại Thạch Hà	-	300.000.000.000
+ Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Thanh	-	153.000.000.000
+ Công ty CP Đầu tư và thương mại Minh Quang	-	300.000.000.000
Các khoản đầu tư khác	5.869.765.368	5.518.356.010
Cộng	209.064.334.201	1.261.712.924.843

14. Các khoản phải thu của nhà ủy thác đầu tư

	30/06/2020	01/01/2020
Lãi phải thu của nhà UT Ngân hàng TMCP DB Sông Cửu Long	8.855.933.032	8.473.315.359
Lãi phải thu của nhà UT Ngân hàng TMCP Tiên Phong	5.371.919	5.529.308
Lãi phải thu của nhà UT Vũ Quang Minh	-	-
Lãi phải thu của Công ty CP ĐT & TM Thạch Hà	2.225.928.135	2.225.701.722
Lãi phải thu của nhà UT khác	70.000	70.000
Cộng	11.087.303.086	10.704.616.389

15. Các khoản phải trả của nhà ủy thác đầu tư

	30/06/2020	01/01/2020
Các khoản phải trả khác	12.663.583.115	12.663.583.115
+ Phí quản lý quỹ phải trả	6.518.710.757	6.518.710.757
+ Lỗ đầu tư của MHB	6.143.872.358	6.143.872.358
+ Phải thu khác	1.000.000	1.000.000
Cộng	12.663.583.115	12.663.583.115

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

16. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư CK	261.593.314
+ Phí lưu ký chứng khoán	141.593.314
+ Các chi phí hoạt động nghiệp vụ khác	120.000.000
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-
Cộng	261.593.314

17. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
Lãi tiền gửi	191.712.835
Lãi đầu tư tài chính	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-
Cộng	191.712.835

18. Chi phí tài chính

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
Lãi tiền vay	-
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-
Lỗ từ hoạt động tự doanh chứng khoán	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-
Dự phòng giảm giá/Hoàn nhập DP giảm giá các khoản đầu tư	(134.000.000)
Chi phí tài chính khác	-
Cộng	(134.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)****19. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Kỳ tài chính từ ngày
01/01/2020 đến ngày
30/06/2020

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ
hiện hành

Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế
TNHH của kỳ này

Cộng

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong kỳ của Công ty:

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	1.304.120.682
<u>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán</u>	<u>14.701.440</u>
<u>Các khoản điều chỉnh tăng</u>	14.701.440
Các khoản phạt	-
Chi phí quảng cáo vượt quá mức cho phép	-
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	14.701.440
<u>Các khoản điều chỉnh giảm</u>	-
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	-
Doanh thu đã tính vào thu nhập chịu thuế của (các) năm trước	-
Chi phí liên quan đến doanh thu chưa thực hiện tính vào thu nhập chịu thuế	-
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ kỳ trước	1.318.822.122
Lỗ kỳ trước chuyển sang	-
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	1.318.822.122
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành	-
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	(80.454.365)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) năm trước	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	<u>(80.454.365)</u>

1019
CÔNG TY
TNHH
HÀ NỘI
VIỆT
HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)****20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.304.120.682
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	1.304.120.682
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	521,65

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được xác định như sau:

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	2.500.000
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành trong kỳ	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ bình quân mua lại trong kỳ	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.500.000

VII. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**1. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, ví dụ như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi, các khoản đầu tư ngắn hạn. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

VII. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

1. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng được đánh giá ở mức thấp. Công ty có rủi ro tín dụng từ các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và các khoản đầu tư tài chính. Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ

Các khoản phải thu từ hoạt động quản lý quỹ có số liệu như đã trình bày trên báo cáo tài chính.

Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của công ty bị giảm giá và Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tại thời điểm lập báo cáo tài chính của Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VII. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****1. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)*****Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

Thông tin thời gian đáo hạn của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	<i>Không kỳ hạn</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 - 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Ngày 30/06/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.839.052	2.730.000.000	-	2.777.839.052
Các khoản đầu tư	-	6.020.275.001	-	6.020.275.001
Phải thu HDNV và phải thu khác	-	6.561.921.784	-	6.561.921.784
Tài sản tài chính khác	-	-	-	-
Cộng	47.839.052	15.312.196.785	-	15.360.035.837
Ngày 30/06/2020				
Phải trả khác	-	1.398.304.023	-	1.398.304.023
Chi phí phải trả	-	1.066.924.609	-	1.066.924.609
Cộng	-	2.465.228.632	-	2.465.228.632
Chênh lệch thanh khoản thuần	47.839.052	12.846.968.153	-	12.894.807.205
	<i>Không kỳ hạn</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 - 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	893.051.350	1.900.000.000	-	2.793.051.350
Các khoản đầu tư	-	6.086.275.001	-	6.086.275.001
Phải thu HDNV và phải thu khác	-	6.564.355.962	-	6.564.355.962
Tài sản tài chính khác	-	-	-	-
Cộng	893.051.350	14.550.630.963	-	15.443.682.313
Ngày 01/01/2020				
Phải trả khác	-	1.391.414.023	-	1.391.414.023
Chi phí phải trả	-	2.526.544.267	-	2.526.544.267
Cộng	-	3.917.958.290	-	3.917.958.290
Chênh lệch thanh khoản thuần	893.051.350	10.632.672.673	-	11.525.724.023

2. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	30/06/2020	01/01/2020	30/06/2020	01/01/2020
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6.020.275.001	6.086.275.001	6.020.275.001	6.086.275.001
- Giá gốc	6.020.275.001	6.086.275.001	-	-
- Dự phòng	-	-	-	-
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6.518.710.757	6.518.710.757	6.518.710.757	6.518.710.757
Phải thu khác	43.211.027	45.645.205	43.211.027	45.645.205
Tài sản tài chính khác	-	-	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.777.839.052	2.793.051.350	2.777.839.052	2.793.051.350
Cộng	15.360.035.837	15.443.682.313	15.360.035.837	15.443.682.313

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VII. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****2. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (Tiếp theo)**

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	30/06/2020	01/01/2020	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND	VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	1.066.924.609	2.526.544.267	1.066.924.609	2.526.544.267
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.398.304.023	1.391.414.023	1.398.304.023	1.391.414.023
Cộng	2.465.228.632	3.917.958.290	2.465.228.632	3.917.958.290

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ, các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các cổ phiếu niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo.

VIII. THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên có liên quan**Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty được nhận biết là bên liên quan đến Công ty. Tuy nhiên, trong kỳ Công ty không phát sinh giao dịch với các bên có liên quan.

Thủ lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc của Công ty phát sinh trong kỳ, chi tiết như sau:

	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
Tiền lương và phụ cấp	120.000.000
Tiền thưởng	-
Các khoản khác	-
Cộng	120.000.000

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau ngày kết thúc kỳ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VIII. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)****2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ (Tiếp theo)**

Đại hội cổ đông của Công ty đã ra quyết định tạm dừng hoạt động của đơn vị trong vòng 02 năm kể từ tháng 7/2016 để thay đổi các cổ đông hiện tại, tìm đối tác chiến lược có năng lực tham gia tái cấu trúc Công ty theo biên bản họp ngày 24/5/2016. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa hoàn tất việc thương thảo với cổ đông mới về cách thức góp vốn và tham gia của các cổ đông mới vào hoạt động của Công ty. Mặt khác, Công ty đang bị đình chỉ hoạt động từ ngày 04/9/2019 đến ngày 03/03/2020 theo quyết định số 676/QĐ – UBCK của Ủy ban chứng khoán Nhà nước ngày 04/9/2019. Do đó, báo cáo tài chính của Công ty đang được lập trên cơ sở giả định hoạt động không liên tục.

3. Thông tin về cổ phiếu

Mệnh giá của cổ phiếu: mệnh giá cổ phiếu của Công ty là 10.000 VND/1 cổ phiếu.

4. Thông tin so sánh

Do năm trước Công ty trình bày báo cáo tài chính theo nguyên tắc của doanh nghiệp hoạt động liên tục. Kỳ này vì Công ty đang bị đình chỉ hoạt động từ ngày 04/9/2019 đến ngày 03/03/2020 theo quyết định số 676/QĐ – UBCK của Ủy ban chứng khoán Nhà nước ngày 04/9/2019 nên trình bày báo cáo tài chính theo nguyên tắc khác.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020

**NGUYỄN KIM CẨM VÂN**

Người lập

**NGUYỄN KIM CẨM VÂN**

Kế toán trưởng

**NGUYỄN QUANG VINH**

Tổng Giám đốc

17-002
VIỆT NAM